

KẾT QUẢ
KIỂM TRA XÁC NHẬN NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẠC 5 (TƯƠNG ĐƯƠNG C1 THEO CEFR)
(Đợt 04 năm 2025, 20/07/2025)
(Ban hành theo Quyết định số 1653/MYH25/VHU/QĐ ngày 27 tháng 8 năm 2025)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm					Điểm TB	Kết quả	Ghi chú
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng			
1	VHU.TAC1.04.001	211A140289	Nguyễn Ngọc Trâm	Anh	06/04/2003	Đồng Nai	6.0	2.6	1.7	5.5	15.8	4.0	Rớt	Bảo lưu Nói: 6.0
2	VHU.TAC1.04.002	211A140218	Nguyễn Quỳnh	Anh	25/10/2003	Đồng Nai	5.5	8.3	9.2	6.0	29.0	7.3	Đậu	
3	VHU.TAC1.04.003	201A140330	Nguyễn Thị Quế	Anh	28/04/2001	Đồng Tháp	7.0	6.1	7.3	6.5	26.9	6.7	Đậu	Bảo lưu Nói: 7.0
4	VHU.TAC1.04.004	211A140262	Trần Nhật	Anh	14/09/2003	Đồng Tháp	7.5	5.0	5.7	4.5	22.7	5.7	Đậu	Bảo lưu Nói: 7.5
5	VHU.TAC1.04.005	193A030008	Nguyễn Thị	Chi	20/02/1990	Đắk Lắk	6.8	8.4	7.0	5.0	27.2	6.8	Đậu	
6	VHU.TAC1.04.006	211A140321	Nguyễn Thị Kim	Chiêu	26/11/2003	Ninh Thuận	6.0	8.9	7.6	7.0	29.5	7.4	Đậu	
7	VHU.TAC1.04.007	211A140315	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	26/04/2003	Bến Tre	4.5	7.8	7.4	5.3	25.0	6.3	Đậu	
8	VHU.TAC1.04.008	201A140132	Nguyễn Trần Thực	Đoan	03/01/2001	Tiền Giang	6.5	7.6	6.7	4.8	25.6	6.4	Đậu	Bảo lưu Nói: 6.5
9	VHU.TAC1.04.009	211A140238	Hà Thị Mỹ	Dung	01/01/2003	Gia Lai	5.5	4.0	4.9	5.0	19.4	4.9	Rớt	
10	VHU.TAC1.04.010	201A140054	Nguyễn Ngọc Phương	Dung	26/03/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	5.5	5.0	8.1	6.0	24.6	6.2	Đậu	Bảo lưu Nói: 5.5; Nghe: 5.0
11	VHU.TAC1.04.011	181A140293	Trần Văn	Duy	28/02/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	6.5	5.9	7.6	5.0	25.0	6.3	Đậu	
12	VHU.TAC1.04.012	211A140247	Vũ Công	Duy	29/04/2003	Ninh Thuận	8.8	6.1	7.7	6.0	28.6	7.2	Đậu	
13	VHU.TAC1.04.013	201A140209	Tô Lê Thảo	Duyên	17/10/1999	Tây Ninh	6.3	6.4	4.3	4.0	21.0	5.3	Đậu	
14	VHU.TAC1.04.014	211A140024	Trần Thị Mỹ	Duyên	06/09/2003	Khánh Hoà	8.0	8.6	9.2	7.8	33.6	8.4	Đậu	
15	VHU.TAC1.04.015	201A140258	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	15/12/2002	Bình Thuận	4.0	4.1	3.6	2.5	14.2	3.6	Rớt	
16	VHU.TAC1.04.016	211A140319	Nguyễn Thị Kim	Hậu	17/10/2003	Đắk Nông	6.5	3.6	5.0	0.8	15.9	4.0	Rớt	Bảo lưu Nói: 6.5

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm					Điểm TB	Kết quả	Ghi chú
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng			
17	VHU.TAC1.04.017	211A140136	Nguyễn Vũ Ngọc	Huyền	04/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	5.5	4.6	6.6	4.5	21.2	5.3	Đậu	
18	VHU.TAC1.04.018	211A140246	Nguyễn Phạm Vũ	Khanh	04/12/2003	Bình Thuận	8.0	4.3	4.6	4.0	20.9	5.2	Đậu	
19	VHU.TAC1.04.019	181A140101	Son Kim	Lộc	20/08/2000	Bình Thuận	6.5	4.6	4.2	5.0	20.3	5.1	Đậu	Bảo lưu Nói: 6.5
20	VHU.TAC1.04.020	211A140343	Nguyễn Thị Bích	Mai	09/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	5.0	4.3	6.4	4.3	20.0	5.0	Đậu	
21	VHU.TAC1.04.021	201A140061	Thân Nguyễn Khánh	Mai	12/02/2002	Đồng Nai	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	0.0	Rớt	Vắng
22	VHU.TAC1.04.022	201A140206	Lại Ngọc	Minh	03/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	7.5	6.3	6.2	3.0	23.0	5.8	Đậu	Bảo lưu Nói: 7.5
23	VHU.TAC1.04.023	201A140316	Nguyễn Kim Hoàng	Mỹ	10/03/2000	Bến Tre	8.0	5.9	6.3	6.0	26.2	6.6	Đậu	
24	VHU.TAC1.04.024	201A140177	Đặng Nông Nhật	Nam	06/02/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	8.0	5.8	5.7	4.5	24.0	6.0	Đậu	
25	VHU.TAC1.04.025	211A140098	Đỗ Nhật	Nam	27/10/2003	Bà Rịa - Vũng Tàu	7.5	5.8	4.3	6.5	24.1	6.0	Đậu	
26	VHU.TAC1.04.026	211A140328	Phạm Trần Mỹ	Ngân	27/12/2003	Tiền Giang	6.5	4.6	5.3	6.0	22.4	5.6	Đậu	Bảo lưu Nói: 6.5
27	VHU.TAC1.04.027	211A140403	Hoàng Vũ Như	Ngọc	30/06/2003	Đắk Lắk	6.0	5.6	8.1	6.0	25.7	6.4	Đậu	Bảo lưu Nói: 6.0
28	VHU.TAC1.04.028	201A140373	Phan Bội	Ngọc	10/12/2002	Cà Mau	7.0	7.1	7.8	6.0	27.9	7.0	Đậu	Bảo lưu Nói: 7.0
29	VHU.TAC1.04.029	211A140141	Lê Cẩm	Nguyên	23/05/2003	Đồng Nai	6.0	3.3	3.1	3.3	15.7	3.9	Rớt	
30	VHU.TAC1.04.030	181A140461	Nguyễn Kiều Minh	Nguyệt	07/01/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	5.0	7.3	5.6	2.8	20.7	5.2	Rớt	Bảo lưu Nói: 5.0; Đọc: 5.6
31	VHU.TAC1.04.031	211A140032	Nguyễn Long	Nhàn	27/04/2003	Đồng Nai	6.0	7.6	5.6	6.0	25.2	6.3	Đậu	Bảo lưu Nói: 6.0
32	VHU.TAC1.04.032	211A140216	Nguyễn Phan Huỳnh	Như	04/03/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	7.0	6.3	8.1	6.0	27.4	6.9	Đậu	
33	VHU.TAC1.04.033	201A140300	Tô Thành	Phát	01/09/2002	Đồng Tháp	8.5	8.7	8.1	7.0	32.3	8.1	Đậu	
34	VHU.TAC1.04.034	211A140038	Lê Nhật	Phương	09/04/2003	Khánh Hoà	6.5	3.0	3.1	2.5	15.1	3.8	Rớt	
35	VHU.TAC1.04.035	191A140224	Đàn Thùy	Quyên	22/07/2001	Bình Thuận	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	0.0	Rớt	Vắng
36	VHU.TAC1.04.036	211A140368	Trần Đỗ Diễm	Quỳnh	11/07/2003	Đắk Lắk	7.0	6.6	7.4	4.5	25.5	6.4	Đậu	Bảo lưu Nói: 7.0
37	VHU.TAC1.04.037	211A140476	Phạm Ngọc	Thanh	20/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	7.5	5.4	7.8	4.0	24.7	6.2	Đậu	
38	VHU.TAC1.04.038	171A140216	Trần Thị Yến	Thanh	20/09/1999	Bình Thuận	6.5	4.3	2.8	0.8	14.4	3.6	Rớt	
39	VHU.TAC1.04.039	221A140486	Đặng Thị Hoài	Thư	21/03/2004	Bến Tre	5.5	8.9	9.2	6.8	30.4	7.6	Đậu	

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm					Điểm TB	Kết quả	Ghi chú
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng			
40	VHU.TAC1.04.040	211A140448	Đào Thị Thanh	Thúy	05/09/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	6.5	8.9	9.2	6.5	31.1	7.8	Đậu	Bảo lưu Nói: 6.5
41	VHU.TAC1.04.041	171A140079	Nguyễn Thị Anh	Thúy	13/06/1998	Tiền Giang	5.5	3.0	6.7	2.3	17.5	4.4	Rớt	Bảo lưu Nói: 5.5
42	VHU.TAC1.04.042	201A140238	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	04/12/2002	Đồng Nai	2.0	3.0	4.2	2.8	12.0	3.0	Rớt	
43	VHU.TAC1.04.043	201A140202	Lê Nguyễn Khánh	Toàn	22/08/2002	Đồng Tháp	6.5	7.3	7.6	8.0	29.4	7.4	Đậu	
44	VHU.TAC1.04.044	201A140101	Lê Ngọc Như	Trâm	19/06/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	3.5	6.6	5.0	5.0	20.1	5.0	Đậu	
45	VHU.TAC1.04.045	211A140101	Bùi Ngọc Huyền	Trân	03/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	7.0	6.6	5.7	4.3	23.6	5.9	Đậu	
46	VHU.TAC1.04.046	211A140300	Phan Minh	Tuấn	10/01/2003	Đồng Nai	7.0	5.6	5.2	1.5	19.3	4.8	Rớt	
47	VHU.TAC1.04.047	211A140276	Nguyễn Ngọc Khánh	Tường	23/10/2003	Vĩnh Long	2.0	2.0	2.2	2.0	8.2	2.1	Rớt	
48	VHU.TAC1.04.048	131A140072	Nguyễn Phụng	Uyên	27/05/1994	Lâm Đồng	4.0	6.1	7.4	6.0	23.5	5.9	Đậu	
49	VHU.TAC1.04.049	201A140063	Huỳnh Thị Lâm	Vi	04/08/2002	Gia Lai	8.0	2.0	3.8	0.0	13.8	3.5	Rớt	Bảo lưu Nói: 8.0
50	VHU.TAC1.04.050	201A140347	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	27/08/2002	Đắk Lắk	2.0	4.0	5.3	3.8	15.1	3.8	Rớt	
51	VHU.TAC1.04.051	191A140247	Trần Như	Ý	27/09/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	7.0	9.2	6.4	7.8	30.4	7.6	Đậu	Bảo lưu Nói: 7.0; Đọc: 6.4; Viết: 7.8
52	VHU.TAC1.04.052	211A140323	A	Yuk	10/05/2002	Kon Tum	7.0	4.0	4.8	4.5	20.3	5.1	Đậu	Bảo lưu Nói: 7.0

Tổng số thí sinh theo danh sách: 52

Số thí sinh dự kiểm tra: 50

Số thí sinh vắng kiểm tra: 02

Số thí sinh đậu: 36

Số thí sinh rớt: 14

Hiệu trưởng

(Đã ký)

PGS. TS. Nguyễn Minh Đức